

UBND HUYỆN YÊN ĐỊNH
BAN CHỈ ĐẠO CHUYỂN ĐỔI SỐ

Số: /BCĐ

V/v hướng dẫn triển khai thực hiện Kế
hoạch 05/KH-BCĐ ngày 19/5/2023.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Định, ngày tháng năm 2023

Kính gửi:

- Các phòng, đơn vị thuộc UBND huyện;
- Công an huyện;
- Chi Cục thống kê;
- Các ngân hàng trên địa bàn huyện;
- Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn huyện.

Để triển khai đảm bảo chất lượng, tiến độ thời gian các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 05/KH-BCĐ ngày 19/5/2023 của Ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện Yên Định năm 2023; Trưởng Ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện đề nghị các đơn vị, các thành viên Ban chỉ đạo thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo thực hiện các nội dung như sau:

1. Căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch số 05/KH-BCĐ ngày 19/5/2023 của Ban chỉ đạo chuyển đổi số; đề nghị các đơn vị chỉ đạo triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, thời gian quy định (có phụ lục gửi kèm theo)

2. Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì theo dõi tình hình triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả với Chủ tịch UBND huyện - Trưởng ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện theo định kỳ.

Đề nghị các Phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan, hàng quý trước **ngày 10 của tháng cuối Quý** có báo cáo kết quả thực hiện gửi Phòng Văn hóa và Thông tin để tổng hợp, báo cáo.

Nhận được văn bản này, Trưởng Ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện đề nghị các phòng, ban, đơn vị, thành viên Ban chỉ đạo nghiêm túc triển khai thực hiện và báo cáo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND huyện, Trưởng Ban chỉ đạo CDS huyện (để b/c);
- PCT UBND huyện, Phó trưởng ban thường trực BCĐ CDS huyện Lê Xuân Thành (để b/c);
- UBND các xã, thị trấn (để p/h);
- Thành viên BCĐ CDS huyện (để t/h);
- Thành viên Tổ giúp việc BCĐ CDS huyện;
- Lưu: VT, VHTT (BCĐ).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ BAN THƯỜNG TRỰC

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Lê Xuân Thành

**Phụ lục: Phân công chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch số 100/KH-BCĐ ngày 26/4/2023
của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số về kế hoạch hoạt động năm 2023**
(Ban hành kèm theo Công văn số /STTTT-CNTT ngày /5/2023 của Sở TT&TT)

STT	Các chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Phát triển hạ tầng số			
1	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt trên 80%.	Quý IV	Các DN Viễn thông	UBND các xã, thị trấn.
2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng đạt trên 85%.	Quý IV	Các DN Viễn thông	UBND các xã, thị trấn.
3	Tiếp tục đầu tư và duy trì triển khai hạ tầng kỹ thuật phục vụ hội nghị trực tuyến đồng bộ 03 cấp từ cấp huyện đến cấp xã đến các thôn, khu phố và kết nối với Hệ thống hội nghị trực tuyến tỉnh.	Quý IV	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
4	Phủ sóng mạng di động 4G và mạng Internet cáp quang đến 100% trung tâm các thôn/bản trên địa bàn tỉnh.	Quý IV	Các DN Viễn thông	UBND các xã, thị trấn.
II	Dữ liệu số			
5	Xây dựng và ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của huyện; hoàn thành ít nhất 50% tổng số cơ sở dữ liệu dùng chung đã ban hành.	Quý I	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

6	Hoàn thành việc triển khai cung cấp dữ liệu mở trên địa bàn huyện.	Quý II	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
7	Phấn đấu 100% các các phòng, đơn vị thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn đủ điều kiện cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP).	Quý III	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
8	Triển khai kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các cấp để người dân, doanh nghiệp chỉ phải nhập dữ liệu một lần khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.	Quý IV	Văn Phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
9	Triển khai các hoạt động nâng cao năng lực phát triển và quản trị dữ liệu của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.	Quý IV	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.	
10	100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và gắn nhãn tín nhiệm mạng.	Quý IV	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
11	100% các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.	Quý IV	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
III	Phát triển chính quyền số			
12	Nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hoàn thành triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh trên cơ sở hợp nhất cổng dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử.	Quý IV	Văn Phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

13	100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 50% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Quý IV	Văn Phòng HĐND-UBND;	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
14	50% thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công; 60% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.	Quý IV	Văn Phòng HĐND-UBND;	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
15	100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền.	Quý IV	Văn Phòng HĐND-UBND;	Công an huyện; Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
16	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%. Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến từ xa.	Quý IV	Văn Phòng HĐND-UBND;	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
17	Phần đầu trên 50% các phòng, đơn vị thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn triển khai kết nối với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập dữ liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.	Quý III	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	

18	Trên 50% hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	Quý III	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	
19	100% cán bộ công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.	Quý III	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.	
20	Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trực tuyến đạt 100%.	Quý IV	Văn phòng HĐND-UBND huyện.	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
21	Tối thiểu 95% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.	Quý IV	Văn phòng HĐND-UBND huyện;	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
IV	Phát triển kinh tế số			
22	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP trên 16%.	Quý IV	Chi Cục Thống kê	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
23	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 10%.	Quý IV	Phòng Kinh tế-Hạ tầng	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
24	100% các phòng, đơn vị thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số thuộc phạm vi quản lý.	Quý IV	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.	
25	100% các phòng, đơn vị thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế, giáo dục thuộc phạm vi quản lý.	Quý IV	Ngân hàng Nhà nước trên địa bàn huyện	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

26	Trên 90% doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số, trên 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng nền tảng số.	Quý IV	Phòng VH&TT.	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn
27	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 50%	Quý IV	Phòng Kinh tế-Hạ tầng	UBND các xã, thị trấn.
28	Xây dựng thí điểm được mô hình chuyển đổi số ở một số ngành, lĩnh vực.	Quý IV	Phòng Giáo dục & Đào tạo; Trung tâm Y tế huyện; Bệnh viện đa khoa huyện; Phòng VH&TT.	UBND các xã, thị trấn.
V	Xây dựng xã hội số			
29	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử trên 30%.	Quý IV	Công an huyện	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
30	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân trên 30%.	Quý IV	Phòng VH&TT.	UBND các xã, thị trấn; Các DN Viễn thông.
31	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác trên 75%.	Quý IV	Ngân hàng Nhà nước trên địa bàn huyện	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
32	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến trên 60%.	Quý IV	Văn phòng HĐND-UBND huyện;	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
33	Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa trên 30%.	Quý IV	Trung tâm Y tế huyện; Bệnh viện đa khoa huyện.	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
34	Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%.	Quý IV	Văn phòng HĐND-UBND huyện;	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

VI	An toàn, an ninh mạng			
35	100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.	Quý IV	Phòng VH&TT.	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
36	100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.	Quý IV	Phòng VH&TT.	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
37	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản trên 50%.	Quý IV	Các DN Viễn thông	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn..
38	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng có sử dụng giải pháp an toàn thông tin mạng cơ bản đạt trên 50%.	Quý IV	Các DN Viễn thông	UBND Các xã, thị trấn.
39	70% trường tiểu học, THCS, THPT và các cơ sở bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn.	Quý IV	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phòng VH&TT; UBND các xã, thị trấn.